TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 6 - 2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Hiền.
Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ka Phu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1981.
Địa chỉ: 339/PTHO, ấp P, xã P, huyện B, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Trần Thanh C, sinh năm 1982.
Địa chỉ: 339/PTHO, ấp P, xã P, huyện B, tỉnh B.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Trần Thanh C vắng mặt không lý do.

NỘI D VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Thanh C chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn cùng một năm tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh B. Thời gian đầu bà và ông C chung sống hạnh phúc, tuy nhiên khoảng 10 năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông C thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện gây gổ, đánh đập vợ con. Sự việc xảy ra nhiều năm, làm cuộc sống gia đình vô cùng bức bối. Bà và ông C ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không sống chung lại với nhau ngày nào. Nay bà cho rằng không còn tình cảm với ông C, mâu thuẫn không thể giải quyết nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông Trần Thanh C có 02 con chung tên Trần Thị Thanh G, sinh ngày 19/8/2002 và Trần Thanh Q, sinh ngày 01/02/2004 hiện các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án do ông Trần Thanh C vắng mặt không lý do, nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ba Tri căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Trần Thanh C đều vắng mặt dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập ông C tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông C vẫn vắng mặt không lý do; Về phía bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Thanh C và bà Nguyễn Thị Ngọc D.

[2] Về nội D vụ án: Ông Trần Thanh C và bà Nguyễn Thị Ngọc D chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn cùng một năm tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh B. Vì vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Theo lời trình bày của bà D cho rằng, thời gian đầu bà và ông C chung sống hạnh phúc, tuy nhiên khoảng 10 năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông C thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện gây gổ, đánh đập vợ con. Sự việc xảy ra nhiều năm, làm cuộc sống gia đình vô cùng bức bối. Bà và ông C ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không sống chung lại với nhau ngày nào. Xét thấy, giữa ông Trần Thanh C và bà Nguyễn Thị Ngọc D có thời gian ly thân đã lâu, trong thời gian này giữa ông C và bà D không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Tòa án thông báo cho ông C các phiên hòa giải, mục đích động viên cho ông và bà D đoàn tụ sống lại với nhau nhưng ông C không chấp hành, xem như ông C đã từ bỏ quyền của mình và không có thiện chí đoàn tụ với bà D. Mặt khác, bà D kiên quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ với ông C. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, bền vững nhưng ông C và bà D không đảm bảo nguyên tắc này. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, bền vững nhưng ông C và bà D không đảm bảo nguyên tắc này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông C.

Về con chung: Ông Trần Thanh C và bà Nguyễn Thị Ngọc D có 02 con chung tên Trần Thị Thanh G, sinh ngày 19/8/2002 và Trần Thanh Q, sinh ngày 01/02/2004 hiện các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: Bà D khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "Ly hôn" của bà Nguyễn Thị Ngọc D đối với ông Trần Thanh C.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Trần Thanh C.

[3] Về con chung: Ghi nhận ông Trần Thanh C và bà Nguyễn Thị Ngọc D có 02 con chung tên Trần Thị Thanh G, sinh ngày 19/8/2002 và Trần Thanh Q, sinh ngày 01/02/2004 hiện các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0009051 ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[6] Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Tâm